

Phụ lục VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203/NSL-CBTT

Sơn La, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

- Mã chứng khoán: NSL

- Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, Tổ 5 Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

- Điện thoại liên hệ: 1900636761 Fax: 02123854539

- E-mail: sowasucum@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần VII.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/4/2026 tại đường dẫn <https://capnuocsonla.vn/shareholders>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật



Trần Quyết Chiến

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA (SOWA)
(Phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 03/04/2026)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý và phạm vi điều chỉnh

1. Điều lệ này là văn bản pháp lý nền tảng quy định về tổ chức quản trị, nguyên tắc điều hành, quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thẩm quyền và trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành trong Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là “Công ty”).
2. Điều lệ này được ban hành căn cứ theo quy định của: Văn bản hợp nhất Luật Doanh nghiệp số 67/VBHN-VPQH năm 2025; Văn bản hợp nhất Luật Chứng khoán số 24/VBHN-VPQH năm 2025; Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.

Trong trường hợp các quy định của pháp luật có sự thay đổi dẫn đến nội dung trong Điều lệ này khác biệt hoặc mâu thuẫn, Công ty có trách nhiệm áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện sửa đổi Điều lệ tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Tên gọi chính thức bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA.**
2. Tên gọi bằng tiếng Anh: **SON LA WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY.**
3. Tên viết tắt: **SOWASUCO** (Mã chứng khoán đăng ký giao dịch trên UPCoM: **NSL**).
4. Công ty là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức Công ty cổ phần, là công ty đại chúng có vốn Nhà nước, chịu sự điều chỉnh của pháp luật về quản trị công ty đại chúng. Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty có con dấu riêng, có quyền mở tài khoản tiền đồng và ngoại tệ tại ngân hàng, sở hữu tài sản và tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của mình.

Điều 3. Trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện

1. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 55, đường Tô Hiệu, TP Sơn La, tỉnh Sơn La.
2. Công ty có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các đơn vị trực thuộc để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty thiết lập cơ chế điều hành với 02 (hai) người đại diện theo pháp luật bao gồm: **Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.**
2. Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích tối ưu của Công ty và cổ đông.
3. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và Công ty (bao gồm trách nhiệm dân sự, hành chính hoặc hình sự) đối với các sai phạm gây thiệt hại cho tài sản của Công ty hoặc làm thất thoát vốn nhà nước theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2025.
4. Việc phân định thẩm quyền ký kết văn bản và đại diện tố tụng giữa 02 người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II: MỤC TIÊU VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty Công ty hoạt động nhằm mục tiêu khai thác tối ưu năng lực sản xuất và cung ứng nước sạch ổn định cho khu vực, dịch vụ công ích theo quy định của nhà nước; không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận sau thuế cho cổ đông; đảm bảo đời sống cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ bảo toàn, phát triển nguồn vốn của các chủ sở hữu, bao gồm phần vốn nhà nước và vốn của cổ đông mẹ VBIC.

Điều 6. Ngành, nghề kinh doanh

1. Các ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Thi công các công trình cấp nước đô thị và nông thôn); Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước); Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước); Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng nhà không để ở; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Sản xuất kinh doanh nước sạch; Sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; Kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; Kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Trong đó: Thử nghiệm, phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước; Phân tích mẫu nước thô, nước sau xử lý, nước thải và các mẫu môi trường; Kiểm tra, đánh giá chất lượng nước theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành)
2. Công ty có quyền thực hiện các ngành nghề kinh doanh khác được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không bị pháp luật cấm. Việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ và cơ cấu sở hữu

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **124.998.720.000 VNĐ** (Một trăm hai mươi tư tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).
2. Tổng vốn điều lệ được chia thành **12.499.872 cổ phần**. Mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000 VNĐ**.
3. Cơ cấu sở hữu vốn tại thời điểm thông qua Điều lệ:
 - **Công ty CP VBIC (Công ty mẹ):** nắm giữ **65,669%** vốn điều lệ.
 - **Nhà nước (UBND tỉnh Sơn La):** nắm giữ **20,000%** vốn điều lệ.
 - **Cổ đông khác:** nắm giữ **14,331%** vốn điều lệ.
4. SOWA là công ty đại chúng có vốn Nhà nước; do đó việc quản trị, biểu quyết và thực hiện các giao dịch liên quan phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Điều 8. Thay đổi vốn điều lệ

Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua dựa trên phương án phát hành hoặc hoàn trả vốn cụ thể, đảm bảo tuân thủ các điều kiện về bảo toàn vốn nhà nước và quy định của pháp luật chứng khoán. Không làm giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước khi chưa có quyết định cơ quan chủ sở hữu.

Điều 9. Cổ phiếu và hình thức ghi nhận quyền sở hữu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Cổ phiếu được đăng ký và lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo quy định đối với công ty đại chúng. Hội đồng quản trị quy định hình thức và trình tự cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông trong trường hợp cổ đông có yêu cầu.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần có hiệu lực kể từ thời điểm thông tin của người nhận chuyển nhượng được cập nhật đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty hoặc hệ thống lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật.
3. Hạn chế chuyển nhượng đối với người nội bộ
4. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty phải tuân thủ các quy định sau:
 - a. Phải đăng ký giao dịch trước với cơ quan quản lý thị trường chứng khoán và công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
 - b. Không được thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty trong khoảng thời gian:
 - Từ ngày Công ty bắt đầu lập Báo cáo tài chính quý, bán niên hoặc năm cho đến khi các báo cáo này được công bố chính thức;
 - Khi đang nắm giữ thông tin nội bộ chưa được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của Công ty;
 - c. Thời gian lock-up tối thiểu đối với cổ phiếu được cấp cho người nội bộ thông qua chương trình cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ESOP hoặc các chương trình khuyến khích khác là 12 tháng kể từ ngày phát hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
5. Người nội bộ và người có liên quan vi phạm các quy định tại Điều này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty nếu phát sinh tổn thất.

Điều 11. Thu hồi và mua lại cổ phần

1. Công ty có quyền mua lại cổ phần đã phát hành theo:
 - a. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - b. Quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền được pháp luật cho phép.
2. Tổng số cổ phần Công ty được quyền mua lại không vượt quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
3. Việc mua lại cổ phần chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - a. Công ty có nguồn vốn hợp pháp để thanh toán cho việc mua lại cổ phần;
 - b. Sau khi thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;
 - c. Việc mua lại cổ phần không làm ảnh hưởng đến an toàn tài chính và khả năng thanh toán của Công ty;
 - d. Đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty, việc mua lại cổ phần phải tuân thủ các quy định về bảo toàn vốn Nhà nước và phải được người đại diện phần vốn Nhà nước xem xét, cho ý kiến trước khi thực hiện.
4. Cổ phần do Công ty mua lại trở thành cổ phần quỹ và có thể được:
 - a. Hủy bỏ để giảm vốn điều lệ; hoặc
 - b. Bán lại theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác

Công ty được quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác

để huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh dựa trên phương án được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo thẩm quyền.

Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông và Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty có nghĩa vụ thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin về **Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi** (cá nhân thực tế nắm quyền chi phối hoặc kiểm soát quyền sở hữu cổ phần tại Công ty) nhằm minh bạch hóa cấu trúc quản trị và tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2025.
3. Cổ đông có trách nhiệm kê khai trung thực và thông báo kịp thời cho Công ty mọi thay đổi liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp vi phạm, cổ đông và người có lợi ích liên quan phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Tuân thủ tuyệt đối Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
5. Chấp hành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Cung cấp, kê khai trung thực, chính xác và cập nhật kịp thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của phần vốn góp/cổ phần do mình đứng tên để Công ty lập danh sách, lưu giữ và báo cáo theo quy định của pháp luật.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo phương thức trực tiếp hoặc ủy quyền.
2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông căn cứ trên nguồn **lợi nhuận sau thuế**.
3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu hiện có.
4. Được xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền dự họp và báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 16. Cổ tức và nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Cổ tức là phần **lợi nhuận sau thuế** được chia cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định; b) Đã trích lập đầy đủ các quỹ của Công ty bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng và phúc lợi, và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; c) Ngay

sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án chi trả cổ tức căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh thực tế và kế hoạch đầu tư phát triển, trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 17. Trình tự và thủ tục chi trả cổ tức

1. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức chi trả cho mỗi cổ phần, thời hạn và hình thức chi trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần chi trả.
2. Thông báo về việc trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày thực hiện chi trả. Nội dung thông báo phải ghi rõ: Tên Công ty; Họ tên, địa chỉ cổ đông; Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; Mức cổ tức trả cho mỗi cổ phần và tổng số cổ tức cổ đông được nhận; Thời điểm và phương thức chi trả.
3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ bằng tiền Việt Nam đồng trong thời hạn tối đa là 06 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án chi trả cổ tức.

Điều 18. Quyền của nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05% (năm phần trăm)** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền quản trị và giám sát sau đây:
 - a) Đề cử nhân sự tham gia vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định về bầu dồn phiếu;
 - b) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;
 - c) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
2. Quyền của nhóm cổ đông quy định tại Điều này được thực hiện ngay khi đạt tỷ lệ sở hữu tương ứng, không áp dụng điều kiện về thời gian nắm giữ cổ phần liên tục theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2025.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thông qua định hướng phát triển, chiến lược sản xuất kinh doanh và kế hoạch ngân sách dài hạn của Công ty.
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.
4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

5. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty.
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm và phương án phân phối **lợi nhuận sau thuế**.
7. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty hoặc yêu cầu phá sản theo quy định.

Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài kỳ họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát hoặc cổ đông quy định tại Điều 18.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 21. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp, dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề và các tài liệu liên quan khác phục vụ việc biểu quyết.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 18 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc.

Điều 22. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là **21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp.
2. Thông báo mời họp phải được gửi bằng phương thức bảo đảm và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định đối với công ty đại chúng.

Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc tham dự họp thông qua các hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử theo quy trình quản trị kỹ thuật của Công ty.
2. Văn bản ủy quyền dự họp phải được lập theo mẫu quy định của Công ty và phải có chữ ký xác nhận của người ủy quyền.

Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50% (năm mươi phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày và tiến hành khi có ít nhất **33% (ba mươi ba phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết tham dự.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện, cuộc họp lần thứ ba được triệu tập trong thời hạn 20 ngày và được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 25. Thể thức họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi dự họp được cấp thẻ biểu quyết hoặc tài khoản biểu quyết điện tử tương ứng với số cổ phần sở hữu.
2. Việc biểu quyết được thực hiện bằng cách chọn một trong ba phương án: Tán thành, Không tán thành, hoặc Không có ý kiến. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp.

Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về các vấn đề: Loại cổ phần, thay đổi ngành nghề kinh doanh, tổ chức lại công ty, sáp nhập, đầu tư hoặc bán tài sản $\geq 35\%$ tổng tài sản, phát hành cổ phiếu phải được số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành.
2. Các nghị quyết về vấn đề khác được thông qua khi đạt tỷ lệ trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành.

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản chi tiết bằng tiếng Việt, phản ánh trung thực toàn bộ diễn biến, các ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết từng nội dung.
2. Biên bản phải được ký bởi Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Công ty có nghĩa vụ công bố biên bản và nghị quyết trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Cơ cấu tổ chức và Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo luật.
2. Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. **Cơ chế Tiền kiểm vốn Nhà nước:** Đối với các quyết định liên quan đến sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hằng năm, các dự án đầu tư nằm ngoài kế hoạch hoặc có giá trị vượt thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, thay đổi cơ cấu vốn, nhân sự chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) và phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, Người đại diện phần vốn nhà nước bắt buộc phải báo cáo và có ý kiến phê duyệt bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước trước khi thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên của mình.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này, bao gồm việc triệu tập, chủ trì họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
3. **Trách nhiệm pháp lý:** Với vai trò là Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 4, Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và Công ty đối với mọi sai phạm, thiếu sót gây thất thoát tài sản hoặc vi phạm nghĩa vụ cam trọng trong quá trình thực thi nhiệm vụ quản trị.

Điều 30. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần. Cuộc họp được triệu tập theo đề nghị của Chủ tịch hoặc khi có ít nhất 02 thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Ban Kiểm soát yêu cầu.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành hợp lệ khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.
3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng

quản trị là quyết định cuối cùng.

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2025.
2. Có trình độ chuyên môn đào tạo từ đại học trở lên và có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành nghề hoạt động của Công ty.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo ít nhất **1/3** (một phần ba) tổng số thành viên là thành viên không điều hành (thành viên không giữ các chức danh quản lý trực tiếp trong Ban Điều hành của Công ty).
4. Đối với các thành viên đại diện vốn Nhà nước hoặc vốn của Công ty mẹ (VBIC), phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn về người đại diện vốn theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của chủ sở hữu.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông thực hiện miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp: a) Có đơn từ chức bằng văn bản được gửi đến trụ sở chính của Công ty; b) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 31; c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
2. Đại hội đồng cổ đông thực hiện bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị khi thành viên đó vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý, gây tổn thất lớn về tài sản hoặc uy tín của Công ty.
3. Trình tự thay thế: Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) hoặc ít hơn số thành viên tối thiểu quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên.

Điều 33. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị

1. Công ty thực hiện chi trả thù lao và tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị căn cứ trên hiệu quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hằng năm.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị. Việc phân bổ chi tiết thù lao cho từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ và sự đóng góp thực tế.
3. Thù lao của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp và phải được công bố minh bạch trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thẩm quyền thành lập các tiểu ban chuyên trách để hỗ trợ thực hiện chức năng quản trị, bao gồm: Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng, Tiểu ban Chiến lược.
2. Thành phần tiểu ban do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trong đó Trưởng tiểu ban bắt buộc phải là thành viên Hội đồng quản trị.
3. Quy chế hoạt động và thẩm quyền của từng tiểu ban phải được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng văn bản và không được trái với các quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 35. Tổng Giám đốc Công ty

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát trực tiếp của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội

- đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế dựa trên kết quả đánh giá năng lực hằng năm.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổ chức và điều hành việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo đúng lộ trình và mục tiêu đề ra.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần quyết định của Hội đồng quản trị, trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Hội đồng quản trị.
3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt: Kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư, ngân sách tài chính hằng năm và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Trách nhiệm cá nhân của Tổng Giám đốc

1. Với tư cách là Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 4, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và Công ty đối với mọi thiệt hại phát sinh do vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng hoặc thực hiện hành vi vượt quá thẩm quyền điều hành.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm bồi thường theo mức độ lỗi và quy định pháp luật khi gây ra thiệt hại vật chất cho Công ty, để xảy ra tình trạng thất thoát vốn Nhà nước hoặc tài sản doanh nghiệp do lỗi chủ quan trong quá trình điều hành.

Điều 38. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Các Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về kết quả công việc được phân công.
2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty; kiểm soát tính hợp pháp của các khoản chi và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Báo cáo tài chính trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và cơ quan quản lý nhà nước.

CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Điều 39. Cơ cấu và Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát gồm 03 (ba) Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm.
2. Ban Kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) thành viên là Kiểm soát viên thường trực tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát phải có trình độ chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Giám sát tính hợp pháp trong quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
2. Thẩm định Báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo tình hình kinh doanh và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
3. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc cung cấp mọi tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty để phục vụ công tác giám sát.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên Kiểm soát viên phải có trình độ chuyên môn đại học trở lên chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc luật; không được là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người liên quan cổ đông chi phối và các cán

bộ quản lý khác trong Công ty.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên tương tự trình tự đối với thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không còn đủ năng lực hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Điều 43. Thù lao của Ban Kiểm soát Mức thù lao của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được thanh toán định kỳ theo quy định của Công ty.

CHƯƠNG VIII: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 44. Nghĩa vụ trung thực và cẩn trọng Người quản lý và Kiểm soát viên có nghĩa vụ thực hiện công việc vì lợi ích cao nhất của Công ty; không được sử dụng cơ hội kinh doanh của Công ty để trục lợi cá nhân.

Điều 45. Giao dịch với người có liên quan và Công ty mẹ (VBIC)

1. Mọi hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn (VBIC), người quản lý hoặc người có liên quan của họ phải được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo đúng thẩm quyền, cổ đông liên quan không có quyền biểu quyết.
2. **Nguyên tắc giá thị trường:** Các giao dịch nội bộ trong hệ sinh thái VBIC – SOWA – SVBIC phải được thực hiện trên cơ sở giá thị trường khách quan và phải được công bố thông tin minh bạch trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi phê duyệt.

CHƯƠNG IX: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, LỢI NHUẬN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Năm tài chính và Chế độ kế toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.
2. Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 47. Kiểm toán độc lập Công ty phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận để kiểm toán Báo cáo tài chính hằng năm trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Trích lập các Quỹ Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và bù đắp lỗ (nếu có), lợi nhuận sau thuế được dùng để trích lập: Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quyết định của HĐQT.

Điều 49. Nguyên tắc chi trả cổ tức Cổ tức chỉ được chi trả khi Công ty có lợi nhuận sau thuế dương và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn sau khi trả cổ tức.

Điều 50. Công bố thông tin Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật về chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng.

1. Công bố thông tin định kỳ

Công ty có trách nhiệm công bố các thông tin định kỳ bao gồm:

- a) Báo cáo tài chính quý;
- b) Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét;
- c) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- d) Báo cáo thường niên;
- đ) Báo cáo quản trị công ty.

2. Công bố thông tin bất thường

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn theo quy định của pháp luật khi xảy ra các sự kiện sau:

- a) Thay đổi nhân sự quản lý chủ chốt;
- b) Quyết định đầu tư, bán tài sản hoặc thực hiện giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên;

- c) Thay đổi vốn điều lệ;
- d) Phát hành chứng khoán;
- đ) Quyết định chia cổ tức;
- e) Các sự kiện khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến giá chứng khoán của Công ty.

3. Công bố giao dịch của người nội bộ

Người nội bộ và người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty phải:

- Đăng ký giao dịch trước;
- Công bố thông tin về giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Công bố giao dịch với bên liên quan

Mọi hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với:

- cổ đông lớn,
- người quản lý,
- người có liên quan,

phải được công bố thông tin đầy đủ và minh bạch theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức bộ phận phụ trách công bố thông tin và chỉ định người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

CHƯƠNG X: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, GIẢI THỂ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ Mọi tranh chấp giữa Công ty và cổ đông hoặc người quản lý được giải quyết trước hết thông qua thương lượng, hòa giải; nếu không thành sẽ đưa ra Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế.

Điều 52. Tổ chức lại và Giải thể Công ty

1. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc giải thể Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Trước khi Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:
 - a) Xây dựng phương án tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - b) Công bố đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán;
 - c) Thực hiện việc lấy ý kiến và bảo đảm quyền biểu quyết của các cổ đông theo quy định của Điều lệ và pháp luật.
3. Đối với phần vốn nhà nước tại Công ty, việc biểu quyết của cổ đông là tổ chức đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.
4. Sau khi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua hợp lệ, việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty được thực hiện theo trình tự, thủ tục đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
5. Công ty bị giải thể trong trường hợp không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật (03 cổ đông) trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

Điều 53. Phá sản Việc phá sản Công ty thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phá sản.

Điều 54. Con dấu của Công ty Hội đồng quản trị quyết định hình thức, số lượng và nội dung

con dấu. Việc quản lý và sử dụng con dấu thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 55. Sửa đổi và Bổ sung Điều lệ Chi Đại hội đồng cổ đông mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị và được thông qua khi tỷ lệ biểu quyết tại đại hội $\geq 65\%$ tổng phiếu dự họp.

Điều 56. Hiệu lực đối với các Quy chế nội bộ Các Quy chế quản trị, Quy chế tài chính và các quy định nội bộ khác không được trái với nội dung của Điều lệ này.

Điều 57. Bản sao và Lưu trữ Điều lệ được lưu trữ tại trụ sở chính và bản sao phải được cung cấp cho cổ đông khi có yêu cầu hợp lệ.

Điều 58. Giải thích từ ngữ Các thuật ngữ trong Điều lệ được giải thích theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

Điều 59. Các vấn đề chưa được quy định Đối với những vấn đề chưa được quy định tại Điều lệ này, các cơ quan quản lý Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 60. Hiệu lực thi hành Điều lệ này gồm 10 Chương và 60 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/04/2026.

Xác nhận ban hành: (Ký tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Nguyễn Văn Hồng